

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 09-12 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLPT – HNGĐ ngày 18 tháng
11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 65/2020/HNGĐ-ST ngày 31
tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 49/2020/QĐ-PT ngày 20
tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1983 (Có mặt).
Nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng P1, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Bé C, sinh năm 1973 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Anh Trần Văn P – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Trần Văn P trình bày:*

Anh và chị P1 do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y1 ngày 08 tháng 6 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ vợ tại Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh có mâu thuẫn với mẹ vợ nên anh không sống nhà vợ được anh có kêu vợ về sống bên nhà mẹ ruột của anh nhưng chị P1 không đồng ý từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh và chị P1 không còn sống chung từ tháng 7 năm 2019 đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Hồng P1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2009 hiện đang sống với chị P1. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu D cho chị P1 nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị P1 đã tự thỏa thuận có làm đơn chia tài sản anh giao cho chị P1 01 dây hui 35.000.000đ, anh nhận chiếc xe Exciter biển số 64D1-152.18. Nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả:

+ Nợ chung phải thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung phải trả: Anh thừa nhận khi mua xe có mượn của cô Bùi Thị Bé C số tiền 30.000.000đ khi mượn chị P1 có bàn bạc với anh sau đó vợ chồng có trả tiền cho bà C 02 lần: lần đầu trả 28.000.000đ, lần sau trả 2.000.000đ nhưng trả vào năm nào thì anh không nhớ nhưng hiện nay đã trả xong số nợ 30.000.000đ. Nay đối với yêu cầu của bà C và chị P1 yêu cầu anh có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 15.000.000đ anh không đồng ý. Anh không có chứng cứ gì để cung cấp cho Toà án vì khi cho mượn và khi trả tiền chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ.

** Theo bảng khai ý kiến ngày 05 tháng 02 năm 2020, đơn phản tố ngày 17 tháng 02 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Lê Thị Hồng P1 trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của anh P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, riêng phần nợ chị không đồng ý. Nay theo yêu cầu anh P, chị có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Lê D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2009 hiện đang sống với chị P. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu D, yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung: Chị xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc xe Exciter biển số 64D1-152.18. Chị thống nhất theo đơn chia tài sản của chị và anh P chị giao cho anh P chiếc xe Exciter biển số 64D1-152.18, chị nhận 01 dây hui 35.000.000đ. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.
- Nợ chung phải thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung phải trả: Chị yêu cầu chia đôi số nợ 30.000.000đ của bà Bùi Thị Bé C. Chị có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 15.000.000đ. Anh P có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 15.000.000đ.

** Ý kiến của cháu Trần Lê D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2009 trình bày:*
Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 26 tháng 3 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Bé C trình bày:*

Năm 2013 bà có cho vợ chồng chị Lê Thị Hồng P1 và anh Trần Văn P mượn số tiền 30.000.000đ để mua xe. Khi cho mượn không có làm biên nhận chị P1 là người nhận tiền. Từ khi mượn tiền đến nay chị P1 anh P không trả tiền. Nay trong vụ án ly hôn giữa anh P và chị P1 và yêu cầu anh P có trách nhiệm trả số tiền 15.000.000đ, chị P1 có trách nhiệm trả số tiền 15.000.000đ.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 65/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

** Tuyên xử:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn P với chị Lê Thị Hồng P1.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Lê D, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2009 cho chị Lê Thị Hồng P1 nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn P và chị Lê Thị Hồng P1 thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Lê Thị Hồng P1 rút lại yêu cầu

chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị P1.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả:

- Nợ chung phải thu: Anh Trần Văn P và chị Lê Thị Hồng P1 thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Nợ chung phải trả: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Bé C. Buộc anh Trần Văn P có trách nhiệm trả cho bà C số 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Buộc chị Lê Thị Hồng P1 có trách nhiệm trả cho bà C số 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08/9/2020 nguyên đơn Trần Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Anh P đồng ý giao con chung Trần Lê D, sinh ngày 10/10/2009 cho chị Lê Thị Hồng P1 nuôi dưỡng, anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Không đồng ý trả cho bà Bùi Thị Bé C 15.000.000đồng vì anh P đã trả nợ xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Trần Văn P đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh P.

Bị đơn Lê Thị Hồng P1 đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Phường, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Bé C yêu cầu anh P, chị P1 có trách nhiệm trả cho bà C 30.000.000đồng.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của anh Trần Văn P về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh P, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm. Anh P phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 08/9/2020 nguyên đơn Trần Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của anh P được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Lê D, sinh ngày 10/10/2009 và không đồng ý trả cho bà Bùi Thị Bé C số tiền 15.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh P và chị P1 thống nhất giao con chung là cháu D cho chị P1 nuôi dưỡng. Theo Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Án sơ thẩm nhận định chị P1 không có thu nhập ổn định, trong khi anh P có thu nhập ổn định có xác nhận của đơn vị công tác. Do đó, buộc anh P cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000đồng đến khi cháu D tròn 18 tuổi là có căn cứ.

Về nợ chung phải trả: Anh P thừa nhận lúc mua xe năm 2013 có mượn của bà C số tiền là 30.000.000đồng nhưng sau đó hàng tháng anh có đưa cho chị P1 số tiền vài triệu để trả nợ, trả lần đầu cho bà C là 28.000.000đồng, lần sau trả 2.000.000đồng, thời gian trả do lâu anh không nhớ. Chị P cho rằng hàng tháng anh P có đưa cho chị 2.000.000đồng đến 3.000.000đồng nhưng để nuôi con. Anh P không có chứng cứ nào chứng minh là đã trả cho bà C số tiền 30.000.000đồng án sơ thẩm buộc anh P, chị P1 mỗi người phải trả cho bà C số tiền 15.000.000đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh P phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng theo lai thu số 0008388 ngày 08/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về hôn nhân, về tài sản chung, về nợ phải thu, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn Trần Văn P và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2020/HNGĐ-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 37, 82, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao cháu Trần Lê D, sinh ngày 10/10/2009 cho chị Lê Thị Hồng P1 nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/8/2020) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về nợ chung phải trả: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Bé C. Buộc anh Trần Văn P có trách nhiệm trả cho bà C số 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng). Buộc chị Lê Thị Hồng P1 có trách nhiệm trả cho bà C số 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Văn P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

300.000đồng theo lai thu số 0008388 ngày 08/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh P đã nộp xong.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về hôn nhân, về tài sản chung, về nợ phải thu, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H. VL: 01;
- Chi cục H. VL: 01;
- Đ/s: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư